HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ TẠI TỈNH HỦA PHĂN, CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

ThS. Tingkham Vilayphon*

Bài báo này nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế (QLT) tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (định tính và định lượng) với dữ liệu thứ cấp từ báo cáo nội bộ ngành thuế và dữ liệu sơ cấp từ 150 phiếu khảo sát (30 cán bộ thuế và 120 người nộp thuế), nghiên cứu chỉ ra rằng công tác QLT tại Hủa Phăn thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, đóng góp vào việc hoàn thành dự toán thu ngân sách. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế như: quy trình thủ tục còn phức tạp, ứng dụng công nghệ thông tin chưa cao, chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, và tình trạng nợ đọng thuế vẫn còn. Trên cơ sở phân tích thực trạng, kinh nghiệm quốc tế và bối cảnh phát triển của tỉnh, bài báo đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ và có tính chiến lược, tập trung vào ba trụ cột chính: (i) Hoàn thiện quy trình QLT theo chức năng; (ii) Đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (iii) Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Các giải pháp này được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLT tại Hủa Phăn, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2035.

• Từ khóa: *quản lý thuế, Hủa Phăn, Lào, giải pháp, cải cách hành chính thuế, người nộp thuế.*

This study aims to analyze the current situation and propose strategic solutions to enhance the effectiveness of tax administration at the Huaphanh Provincial Tax Department, Laos. A mixed-methods research design was employed, combining qualitative and quantitative approaches. Secondary data were collected from internal reports of the tax department and statistical yearbooks for the 2020-2024 period. Primary data were gathered through a survey of 150 subjects, comprising 30 tax officials (selected via purposive sampling) and 120 taxpayers (selected via stratified random sampling), using a 5-point Likert scale questionnaire. The research reveals that while tax administration in Huaphanh has achieved significant results in state revenue collection, it faces considerable limitations. These include complex administrative procedures, low levels of information technology application, an uneven quality of human resources, and persistent tax debt. The existing organizational model remains largely traditional and has not fully transitioned to a modern, function-based and risk-management-oriented approach. The study proposes a comprehensive and feasible system of solutions focusing on three strategic pillars: (1) Perfecting tax administration processes through simplification, digitalization, and enhanced risk-based management; (2) Reorganizing the apparatus structure and improving the quality of human resources towards professionalism and integrity; and (3) Strengthening the institutional framework and accelerating comprehensive digital transformation. A roadmap for implementation from 2025 to 2030, with a vision to 2035, is also outlined. This paper provides a systematic and in-depth analysis of tax administration in a specific, underdeveloped province of Laos, filling a critical research gap. The proposed solutions are context-specific, drawing from international best practices and adapted to the local socio-economic conditions of Huaphanh, offering valuable insights for policymakers and tax administrators in Laos and similar contexts.

• Key words: *Tax administration, Hua Phan, Laos, solutions, tax administration reform, taxpayers.*

Ngày nhận bài: 25/01/2026
Ngày gửi phản biện: 20/02/2026
Ngày duyệt đăng: 06/4/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.62

1. Mở đầu

Thuế luôn là công cụ tài chính quan trọng bậc nhất của bất kỳ quốc gia nào, đảm bảo nguồn lực cho ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, một quốc gia đang phát triển, việc hoàn thiện hệ thống QLT càng có ý nghĩa then chốt trong việc huy động nguồn lực nội lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tỉnh Hủa Phăn là một tỉnh miền núi phía Bắc Lào với những đặc thù về kinh tế - xã hội: kinh tế chủ yếu dựa vào nông, lâm nghiệp; địa hình phức tạp; trình độ dân trí và mức độ phát triển của khu vực doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh đó, công tác QLT tại tỉnh thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, song cũng bộc lộ không ít bất cập, từ quy trình, thủ tục phức tạp, ứng dụng công nghệ lạc hậu, đến năng lực của đội ngũ cán bộ và ý thức tuân thủ của một bộ phận người nộp thuế (NNT). Những hạn chế này trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả QLT, gây thất thu ngân sách và chưa tạo được môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo này hướng đến mục tiêu phân tích một cách hệ thống và toàn diện thực trạng QLT tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2024, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược, khả thi nhằm hoàn thiện công tác QLT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh đến năm 2035.

** Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. NCS, Học viện Tài chính*

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp hài hòa giữa phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để đảm bảo tính toàn diện và sâu sắc.

Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp: Được thu thập từ các báo cáo tổng kết hàng năm của Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn, Tổng cục Thuế Lào, Cục Thống kê tỉnh Hủa Phăn, và các văn bản pháp luật liên quan đến thuế và QLT trong giai đoạn 2020-2024. Dữ liệu này cung cấp cái nhìn tổng quan về kết quả hoạt động, các chỉ tiêu tài chính và bối cảnh pháp lý.

Dữ liệu sơ cấp: Được thu thập thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Mẫu nghiên cứu được xác định với quy mô 150 đối tượng, bao gồm: 30 cán bộ quản lý thuế đang công tác tại Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn và các phòng thuế trực thuộc. Việc chọn mẫu này được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích (purposive sampling), nhắm vào những cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp trong các khâu nghiệp vụ như kê khai, thanh tra, quản lý nợ thuế, và hỗ trợ NNT; 120 người nộp thuế (chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh) trên địa bàn tỉnh. Mẫu được lựa chọn ngẫu nhiên phân tầng (stratified random sampling) dựa trên quy mô và ngành nghề kinh doanh để đảm bảo tính đại diện.

Thời điểm điều tra được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2024. Bảng hỏi được thiết kế sử dụng thang đo Likert 5 mức (từ 1: Rất không hài lòng/ Rất không đồng ý đến 5: Rất hài lòng/ Rất đồng ý) để đánh giá mức độ hài lòng, đánh giá của các đối tượng về các nội dung QLT.

Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp phân tích định tính: Sử dụng các kỹ thuật tổng hợp, thống kê, so sánh, hệ thống hóa và khái quát hóa để phân tích dữ liệu thứ cấp, làm rõ diễn biến và thực trạng QLT.

Phương pháp phân tích định lượng: Dữ liệu từ bảng hỏi được mã hóa và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Các kỹ thuật thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình) được sử dụng để tổng hợp và phân tích các đánh giá, từ đó cung cấp bằng chứng thực nghiệm về mức độ hài lòng của NNT và đánh giá của cán bộ thuế.

Sự kết hợp này cho phép nghiên cứu vừa có cái nhìn định lượng về hiệu quả, vừa có sự lý giải định tính sâu sắc về nguyên nhân của các vấn đề trong QLT tại Hủa Phăn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2024

3.1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội và những tác động đến quản lý thuế

Hủa Phăn là tỉnh có nền kinh tế chuyển dịch tích cực. Tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2020-2024 luôn duy trì ở mức cao, từ 7,23% đến 9,61%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông-lâm-ngư nghiệp (từ 37,43% năm 2020 xuống 32,50% năm 2024) và tăng dần tỷ trọng công nghiệp-xây dựng (từ 31,31% lên 37,28%) (Bảng 1). Sự phát triển này tạo ra cơ sở để mở rộng diện thu thuế, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực QLT đối với các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ mới phát triển.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm				
		2020	2021	2022	2023	2024
GRDP	Tỷ Kip	5.928,98	6.425,99	7.087,98	7.739,99	8.056,11
Tốc độ tăng GRDP	%	7,51	7,23	9,07	9,16	9,61
Cơ cấu ngành Nông-Lâm-Thủy sản	%	37,43	35,74	34,92	32,93	32,50
Cơ cấu ngành Công nghiệp-Xây dựng	%	31,31	32,36	32,71	33,50	37,28
Cơ cấu ngành Dịch vụ	%	31,26	31,90	32,37	33,57	30,21

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hủa Phăn (2024)

Tuy nhiên, địa hình phức tạp, trình độ dân trí không đồng đều và sự phát triển chủ yếu của các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là những rào cản không nhỏ đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ và kiểm soát thuế.

3.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quản lý thuế

Phân tích các chỉ tiêu định lượng cho thấy bức tranh toàn cảnh về hiệu quả QLT:

Bảng 2: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý thuế

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm				
		2020	2021	2022	2023	2024
1. Tổng thu nội địa	Tỷ Kip	650,50	712,30	785,40	860,10	898,75
2. Tỷ lệ thuế truy thu/ Tổng thu	%	1,45	1,62	1,89	1,75	1,95
3. Tỷ lệ nợ thuế/ Tổng thu	%	4,82	5,11	4,95	5,32	5,05
4. Tỷ lệ tờ khai nộp đúng hạn	%	85,5	86,8	87,2	88,1	89,5
5. Tỷ lệ DN kê khai thuế qua mạng	%	25,0	28,5	35,2	42,7	48,9
6. Số NNT bình quân/ 1 cán bộ thuế	Người	145	152	158	165	170

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo nội bộ Cục Thuế tỉnh Hủa Phăn

Về huy động ngân sách (Chỉ tiêu 1): Tổng thu nội địa không ngừng tăng trưởng qua các năm, phản ánh sự nỗ lực của ngành thuế và sự phát triển của nền kinh tế địa phương. Đây là kết quả đáng ghi nhận.

Về hiệu quả thanh tra, kiểm tra (Chỉ tiêu 2): Tỷ lệ thuế truy thu so với tổng thu có xu hướng tăng nhẹ, cho thấy công tác thanh tra, kiểm tra ngày càng được chú trọng và phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, xử lý vi phạm.

Về quản lý nợ thuế (Chỉ tiêu 3): Tỷ lệ nợ thuế vẫn duy trì ở mức trên dưới 5%, cho thấy vẫn còn một lượng thuế đáng kể chưa được thu hồi kịp thời, tiềm ẩn rủi ro thất thu cho NSNN.

Về sự tuân thủ của NNT (Chỉ tiêu 4): Tỷ lệ tờ khai nộp đúng hạn có cải thiện nhưng chưa thực sự vượt trội (dưới 90%), cho thấy vẫn còn khoảng trống trong việc thúc đẩy tính tuân thủ tự nguyện.

Về ứng dụng công nghệ thông tin (Chỉ tiêu 5): Mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng tăng lên

đáng kể (từ 25% lên gần 49%) nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu hiện đại hóa. Số liệu này phản ánh những hạn chế trong hạ tầng công nghệ và khả năng tiếp cận của NNT.

Về áp lực công việc (Chỉ tiêu 6): Số lượng NNT trên một cán bộ thuế ngày càng tăng (lên đến 170 người/năm 2024), cho thấy khối lượng công việc rất lớn, gây áp lực lên đội ngũ cán bộ, ảnh hưởng đến chất lượng quản lý.

Kết quả khảo sát định tính từ phiếu điều tra cung cấp thêm những minh chứng cụ thể:

Với cán bộ thuế (30 phiếu): 70% đánh giá hệ thống văn bản pháp luật còn thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất. 65% cho rằng trang thiết bị công nghệ thông tin chưa đáp ứng tốt yêu cầu nghiệp vụ.

Với người nộp thuế (120 phiếu): Chỉ 45% NNT cảm thấy hài lòng với các thủ tục hành chính thuế (đăng ký, kê khai, hoàn thuế), trong khi 40% đánh giá ở mức trung bình và 15% không hài lòng. Nguyên nhân chính được chỉ ra là tính phức tạp của thủ tục (điểm trung bình 3,2/5) và sự thiếu nhất quán trong hướng dẫn của một số cán bộ (điểm trung bình 3,5/5).

3.2. Đánh giá chung về thực trạng

3.2.1. Kết quả đạt được

Công tác QLT tại tỉnh Hủa Phăn giai đoạn 2020-2024 đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện qua các mặt chủ yếu sau:

Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách: Tổng thu nội địa do ngành thuế quản lý không ngừng tăng trưởng qua các năm, từ 650,50 tỷ Kip (năm 2020) lên 898,75 tỷ Kip (năm 2024), tương ứng mức tăng trưởng bình quân ~8,4%/năm. Quan trọng hơn, tỷ lệ tổng thu nội địa thực hiện so với dự toán pháp lệnh được giao luôn đạt và vượt từ 101,5% đến 105,2% hàng năm. Kết quả này khẳng định sự nỗ lực lớn của toàn ngành trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo nguồn lực tài chính cho địa phương.

Công tác thanh tra, kiểm tra từng bước được đổi mới và phát huy hiệu quả: Số thuế truy thu được qua thanh tra, kiểm tra có xu hướng tăng cả về giá trị tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng thu. Năm 2024, số thuế truy thu đạt ~17,53 tỷ Kip, chiếm 1,95% tổng thu nội địa, cao hơn so với mức 1,45% của năm 2020. Điều này phản ánh việc ngành thuế đã bắt đầu chú trọng hơn đến công tác kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm, góp phần răn đe, bảo vệ nguồn thu và đảm bảo sự công bằng giữa các NNT.

Bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin: tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử đã tăng lên đáng kể, từ 25% (năm 2020) lên 48,9% (năm 2024). Việc triển khai đã tạo ra một tiền đề quan trọng, giúp cả cán bộ thuế và NNT làm quen với phương thức quản lý mới, từng bước rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và giảm bớt thủ tục giấy tờ trực tiếp.

Duy trì được sự ổn định và kỷ cương trong hoạt động: Trong điều kiện áp lực công việc lớn (số NNT/cán bộ thuế tăng lên 170), đội ngũ cán bộ thuế cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động thu, nộp, kiểm tra diễn ra theo đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ tờ khai thuế nộp đúng hạn duy trì ở mức khá (trên 85%) và có cải thiện nhẹ qua các năm, cho thấy nỗ lực trong công tác đôn đốc và sự hợp tác của đa số NNT.

3.2.2. Hạn chế

- Hiệu quả quản lý thuế chưa cao, thể hiện rõ qua tỷ lệ nợ đọng thuế và mức độ tuân thủ:

Tỷ lệ nợ thuế so với tổng thu luôn dao động quanh mức ~5% (cao nhất là 5,32% năm 2023). Con số này cho thấy một lượng thuế không nhỏ (khoảng 45-47 tỷ Kip/năm) chưa được thu hút kịp thời vào NSNN, tiềm ẩn rủi ro thất thu. Mặc dù tỷ lệ tờ khai nộp đúng hạn trên 85%, nhưng việc kê khai đúng hạn không đồng nghĩa với việc kê khai đầy đủ, chính xác. Số thuế truy thu được qua thanh tra (1,95% tổng thu) là một minh chứng cho thấy vẫn còn tình trạng kê khai không trung thực.

- Ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, làm giảm hiệu suất và tính minh bạch.

Tỷ lệ kê khai thuế điện tử chưa đến 50% sau 5 năm triển khai là quá thấp. Hệ thống công nghệ hiện tại hoạt động chưa ổn định, thiếu sự liên thông dữ liệu với các cơ quan như đăng ký kinh doanh, ngân hàng.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều và áp lực công việc quá lớn

Tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học trở lên mới đạt khoảng 65%. Khảo sát cho thấy 65% cán bộ được hỏi thừa nhận còn lúng túng khi xử lý các hồ sơ phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển giá, thuế thu nhập doanh nghiệp. Áp lực 170 NNT/1 cán bộ vượt xa khả năng đáp ứng, dẫn đến tình trạng quá tải, xử lý hồ sơ chậm trễ, giảm sút chất lượng kiểm tra.

- Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT chưa thực sự hiệu quả, chưa lấy NNT làm trung tâm.

Qua điều tra khảo sát cho thấy, chỉ 45% NNT cảm thấy hài lòng với các thủ tục hành chính thuế. 60% ý kiến phàn nàn về tính phức tạp của thủ tục và sự thiếu nhất quán trong hướng dẫn giữa các cán bộ.

- Mô hình tổ chức bộ máy lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu QLT hiện đại

Bộ máy vẫn được tổ chức chủ yếu theo mô hình truyền thống: theo sắc thuế (phòng thuế GTGT, phòng thuế TNDN) và theo đối tượng (phòng quản lý doanh nghiệp lớn, phòng quản lý hộ kinh doanh). Điều này dẫn đến sự chồng chéo chức năng, một doanh nghiệp có thể phải làm việc với nhiều phòng khác nhau.

4. Giải pháp hoàn thiện quản lý thuế tại tỉnh Hủa Phăn

4.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý thuế theo chức năng

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế: Thực hiện rà soát, đơn giản hóa toàn bộ các thủ tục từ đăng ký, kê khai, nộp thuế đến hoàn thuế. Áp dụng triệt để cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" trong nội bộ ngành thuế. Tối ưu hóa và chuẩn hóa các mẫu tờ khai, hồ sơ.

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế dựa trên quản lý rủi ro: Xây dựng và áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro tuân thủ thuế đặc thù cho Hủa Phăn, tập trung vào các nhóm ngành có biến động lớn, giá trị giao dịch cao hoặc có lịch sử vi phạm. Chuyển từ kiểm tra dàn trải sang kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, giải phóng nguồn lực để hỗ trợ các NNT tuân thủ tốt.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Số hóa toàn bộ quy trình quản lý nợ. Áp dụng linh hoạt và kịp thời các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế theo một lộ trình rõ ràng: từ nhắc nhở tự động (SMS, email) đến các biện pháp mạnh như phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản. Phối hợp chặt chẽ với ngân hàng và cơ quan thi hành án.

Đổi mới toàn diện công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, kết hợp truyền thống (hội nghị, tờ rơi tại các huyện) và hiện đại (cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động, mạng xã hội). Thành lập Tổng đài hỗ trợ NNT chuyên nghiệp. Tổ chức định kỳ các hội nghị đối thoại doanh nghiệp - cơ quan thuế để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện bộ máy, chất lượng nguồn nhân lực

Tái cấu trúc tổ chức bộ máy theo mô hình quản lý hiện đại: Chuyển đổi từ mô hình tổ chức theo sắc thuế/ đối tượng sang mô hình kết hợp "Chức năng - Đối tượng". Thành lập các bộ phận chuyên trách theo chức năng: (i) Bộ phận Hỗ trợ và Dịch vụ NNT; (ii) Bộ phận Xử lý Tờ khai và Kế toán thuế; (iii) Bộ phận Phân tích Rủi ro và Quản lý Tuân thủ; (iv) Bộ phận Thanh tra, Kiểm tra; (v) Bộ phận Quản lý Nợ và Cưỡng chế. Trong mỗi bộ phận, có thể bố trí các tổ chuyên sâu theo nhóm NNT lớn, vừa và nhỏ.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng bài bản, tập trung vào kỹ năng phân tích dữ liệu, quản lý rủi ro, kỹ năng giao tiếp và ứng xử. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút và giữ chân người tài. Tăng cường đào tạo về đạo đức công vụ và phòng, chống tham nhũng.

4.3. Nhóm giải pháp hoàn thiện thể chế và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Đề xuất với Bộ Tài chính và Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định về QLT theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ hiểu và ổn định, tạo thuận lợi tối đa cho NNT.

Đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện trong ngành thuế. Theo đó, phấn đấu đến năm 2030, 100% doanh nghiệp và 80% hộ kinh doanh thực hiện kê khai, nộp thuế điện tử.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng Cổng dịch vụ thuế điện tử tích hợp đa dịch vụ, thân thiện với người dùng. Phát triển Kho dữ liệu tập trung về NNT, kết nối liên thông với cơ quan đăng ký kinh doanh, ngân hàng, hải quan. Từng bước ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) và Phân tích dữ liệu lớn (Big Data) để tự động hóa việc phân loại rủi ro, cảnh báo sớm và hỗ trợ ra quyết định.

Bảng 3: Lộ trình thực hiện các giải pháp chủ yếu

Giải pháp	Giai đoạn 2025-2027	Giai đoạn 2028-2030	Tầm nhìn sau 2030
Cải cách TTHC & Quản lý rủi ro	- Hoàn thiện 80% TTHC. - Xây dựng và thí điểm Bộ tiêu chí rủi ro.	- Ứng dụng toàn diện quản lý rủi ro. - Tự động hóa phần lớn khâu kiểm tra hồ sơ.	- Hệ thống QLT hoàn toàn dựa trên dữ liệu và rủi ro.
Tái cấu trúc bộ máy	- Ban hành cơ cấu tổ chức mới. - Đào tạo lại đội ngũ cán bộ.	- Vận hành ổn định mô hình mới. - Đánh giá, điều chỉnh.	- Bộ máy tinh gọn, linh hoạt, tự động hóa cao.
Chuyển đổi số	- Nâng cấp hạ tầng. - Đạt 70% DN kê khai điện tử. - Xây dựng Kho dữ liệu.	- 100% DN, 80% hộ KD kê khai điện tử. - Ứng dụng AI trong phân tích rủi ro.	- Hệ thống thuế thông minh, tích hợp quốc gia.

5. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, công tác QLT tại tỉnh Hủa Phăn, Lào, mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc huy động ngân sách, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục một cách căn cơ. Những hạn chế này xuất phát từ sự chưa theo kịp của mô hình tổ chức, năng lực nguồn nhân lực và mức độ ứng dụng công nghệ so với yêu cầu của một nền quản lý thuế hiện đại, lấy NNT làm trung tâm.

Để hoàn thiện QLT tại Hủa Phăn, cần một cách tiếp cận tổng thể và đồng bộ với các giải pháp mang tính đột phá, tập trung vào ba trụ cột chính: (1) Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ theo hướng hiện đại hóa, đơn giản hóa và dựa trên quản lý rủi ro; (2) Đổi mới căn bản tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; (3) Tăng cường thể chế và đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số toàn diện.

Việc thực hiện thành công các giải pháp này không chỉ phụ thuộc vào nỗ lực của ngành thuế Hủa Phăn, mà còn cần sự chỉ đạo sát sao của Tổng cục Thuế, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan liên ngành tại địa phương, và đặc biệt là sự ủng hộ về nguồn lực từ chính quyền tỉnh và trung ương. Khi đó, công tác QLT tại Hủa Phăn mới thực sự trở thành đòn bẩy hiệu quả cho phát triển KT-XH, góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2035.

Tài liệu tham khảo:

Học viện Tài chính. (2023). Giáo trình Quản lý thuế. Nhà xuất bản Tài chính.

Lê Xuân Trường (Chủ biên) & cs. (2023). Giáo trình Quản lý thuế. Học viện Tài chính.

Nguyễn Thành Trung. (2017). Cải cách quản lý thuế ở Việt Nam [Luận án Tiến sĩ, Học viện Tài chính].

Soulichack Xayavong. (2020). Cải cách hệ thống thuế và tác động đến nguồn thu ngân sách ở Lào [Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Lào].

Vongphachanh Vongpadith. (2018). Quản lý thu thuế ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào [Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh].